

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
KHỦ TRÙNG VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé,  
Quận 01, Tp. HCM, Việt Nam.

---

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016	5 – 6
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu	7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016	9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng chọn lọc	10 – 31



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

**CÁC THÔNG TIN CHUNG**

Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Khử Trùng Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn theo Quyết định số 70/QĐ-TTg ngày 03 tháng 05 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302327629 ngày 31 tháng 12 năm 2001 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 11 tháng 09 năm 2015.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Nhà máy Công ty được đặt tại số B47-48, Đường 11, KCN Lê Minh Xuân, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 176.854.360.000 VND. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 24 ngày 05 tháng 08 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 182.854.360.000 VND.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Bạch Tuyết	Chủ tịch
Ông Trương Công Cứ	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Bảo Sơn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Võ Văn Quốc	Trưởng ban
Bà Thái Thị Hồng Châu	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Minh	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trương Công Cứ	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Bạch Tuyết	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bảo Sơn	Phó Tổng Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

### **CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



**Trương Công Cứ**  
**Tổng Giám đốc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2016



Số: 17.123/BCSX-RSM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 08 năm 2016, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng chọn lọc.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

*(Xem tiếp trang sau)*

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**Kết luận của kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Mặc dù không đưa ra kết luận ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính riêng đến mục 5.34 trong phần thuyết minh báo cáo tài chính có liên quan đến việc Công ty đã khởi kiện về tỷ lệ góp vốn của Công ty vào một công ty khác.



**Đặng Thị Hồng Loan**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0425-2013-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2016

*Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2.3 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>976.429.355.034</b>	<b>957.407.040.070</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	(5.1)	<b>148.728.698.568</b>	<b>167.945.742.218</b>
1. Tiền	111		108.728.698.568	87.945.742.218
2. Các khoản tương đương tiền	112		40.000.000.000	80.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>430.044.889.890</b>	<b>339.687.508.945</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(5.3)	410.504.201.500	375.140.409.214
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		13.229.648.254	1.674.722.308
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	(5.4)	35.714.920.811	13.679.461.969
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(5.5)	(29.403.880.675)	(50.819.734.404)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	12.649.858
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>394.579.171.551</b>	<b>445.778.967.307</b>
1. Hàng tồn kho	141	(5.6)	394.579.171.551	445.778.967.307
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.076.595.025</b>	<b>3.994.821.600</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	(5.10)	2.413.765.792	2.444.621.826
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		114.760.540	134.401.602
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		548.068.693	1.415.798.172
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>352.147.260.960</b>	<b>338.227.372.188</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.263.009.568</b>	<b>1.215.326.278</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		1.263.009.568	1.215.326.278
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>91.009.983.330</b>	<b>95.878.257.950</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.7)	29.375.695.898	33.787.581.827
Nguyên giá	222		114.585.390.834	116.551.016.716
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(85.209.694.936)	(82.763.434.889)
2. Tài sản cố định vô hình	227	(5.8)	61.634.287.432	62.090.676.123
Nguyên giá	228		67.607.362.216	67.607.362.216
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.973.074.784)	(5.516.686.093)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	(5.9)	<b>49.833.310.692</b>	<b>43.794.806.304</b>
1. Nguyên giá	231		62.093.257.850	55.387.207.325
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(12.259.947.158)	(11.592.401.021)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.254.351.443</b>	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.254.351.443	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	(5.2)	<b>204.261.805.362</b>	<b>194.463.114.098</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		9.126.591.264	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		193.304.814.098	193.304.814.098
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.249.390.000	2.249.390.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(418.990.000)	(1.091.090.000)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.524.800.565</b>	<b>2.875.867.558</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.10)	2.524.800.565	2.875.867.558
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.328.576.615.994</b>	<b>1.295.634.412.258</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>599.687.856.644</b>	<b>586.414.765.099</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>562.705.488.844</b>	<b>549.547.961.407</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	(5.12)	310.015.702.273	357.876.521.012
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.229.215.071	1.196.340.518
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(5.13)	22.598.774.213	22.374.545.290
4. Phải trả người lao động	314	(5.14)	37.106.105.386	26.026.004.459
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	(5.15)	14.096.860.867	22.794.108.403
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	(5.16)	123.504.979.566	119.280.441.725
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	(5.11)	50.073.689.480	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.080.161.988	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>36.982.367.800</b>	<b>36.866.803.692</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	(5.16)	36.982.367.800	36.866.803.692
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>728.888.759.350</b>	<b>709.219.647.159</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	(5.17)	<b>728.888.759.350</b>	<b>709.219.647.159</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		182.854.360.000	176.854.360.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		182.854.360.000	176.854.360.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		26.763.978.592	26.763.978.592
3. Cổ phiếu quỹ	415		(20.000.000)	(761.100.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		231.545.895.350	231.545.895.350
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		27.169.465.911	25.818.269.911
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		260.575.059.497	248.998.243.306
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		190.593.438.308	127.432.633.830
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		69.981.621.189	121.565.609.476
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.328.576.615.994</b>	<b>1.295.634.412.258</b>



Trương Công Cừ  
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2016

Nguyễn Ngọc Dung  
 Kế toán trưởng

Phạm Thị Ngọc Phương  
 Người lập



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 29 Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé  
 Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Mẫu số B 01a - DN

**BÁO CÁO THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Thuyết minh	Số dư ngày 01/01/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016		Số dư ngày 30/6/2016
			Tăng	Giảm	
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	(5.17)	176.854.360.000	6.000.000.000	-	182.854.360.000
Thặng dư vốn cổ phần		26.763.978.592	-	-	26.763.978.592
<b>Tổng cộng</b>		<b>203.618.338.592</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>209.618.338.592</b>



**Trương Công Cư**  
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2016

*Nguyễn Ngọc Dung*

**Nguyễn Ngọc Dung**  
 Kế toán trưởng

*Phạm Thị Ngọc Phương*

**Phạm Thị Ngọc Phương**  
 Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(5.19)	1.173.417.476.355	1.048.041.627.206
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	(5.20)	55.430.183.794	6.545.018.203
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.117.987.292.561	1.041.496.609.003
4. Giá vốn hàng bán	11	(5.21)	811.882.589.999	757.762.866.821
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		306.104.702.562	283.733.742.182
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(5.22)	5.429.210.995	6.869.616.739
7. Chi phí tài chính	22	(5.23)	6.212.087.553	5.376.067.628
Trong đó, chi phí lãi vay	23		1.235.070.635	1.966.934.896
8. Chi phí bán hàng	25	(5.24)	177.782.069.211	172.419.468.253
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(5.25)	27.219.633.696	23.159.732.403
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		100.320.123.097	89.648.090.637
11. Thu nhập khác	31		3.148.505.143	1.964.459.767
12. Chi phí khác	32		6.085.558.406	2.004.207.640
13. Lợi nhuận khác	40		(2.937.053.263)	(39.747.873)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		97.383.069.834	89.608.342.764
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(5.27)	20.295.686.656	20.073.212.633
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		77.087.383.178	69.535.130.131



Trương Công Cứ  
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2016

Nguyễn Ngọc Dung  
 Kế toán trưởng

Phạm Thị Ngọc Phương  
 Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.107.703.084.369	645.126.586.574
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(902.826.267.136)	(840.523.281.286)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(94.665.231.528)	(92.343.942.527)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(1.235.070.635)	(1.966.934.896)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(16.483.023.649)	(10.868.597.292)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		29.874.820.585	323.449.347.296
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(159.121.418.868)	(80.855.028.534)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(36.753.106.862)</b>	<b>(57.981.850.665)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.854.345.688)	(2.015.304.437)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		144.181.818	578.288.082
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(170.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	80.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.634.961.802	5.176.865.270
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(4.075.202.068)</b>	<b>(86.260.151.085)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		6.741.100.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	(5.28)	188.770.470.280	301.304.865.916
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(5.29)	(138.696.780.800)	(211.230.677.371)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(35.203.524.200)	(19.857.506.200)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>21.611.265.280</b>	<b>70.216.682.345</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(19.217.043.650)</b>	<b>(74.025.319.405)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>167.945.742.218</b>	<b>113.004.782.955</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>148.728.698.568</b>	<b>38.979.463.550</b>



Trương Công Cứ  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2016

Nguyễn Ngọc Dung  
Kế toán trưởng

Phạm Thị Ngọc Phương  
Người lập

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỘC**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Khử Trùng Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn theo Quyết định số 70/QĐ-TTg ngày 03 tháng 05 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302327629 ngày 31 tháng 12 năm 2001 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 11 tháng 09 năm 2015.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Nhà máy Công ty được đặt tại số B47-48, Đường 11, KCN Lê Minh Xuân, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 176.854.360.000 VND. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 24 ngày 05 tháng 08 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 182.854.360.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 1.238 (31 tháng 12 năm 2015 là: 1.241).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Tập hợp nhiều lĩnh vực kinh doanh bao gồm: sản xuất, thương mại và dịch vụ.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói: thuốc bảo vệ thực vật, vật tư bảo vệ thực vật, vật tư khử trùng (không sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói tại trụ sở).
- Cung cấp dịch vụ khử trùng, diệt sinh vật gây hại nông lâm sản và các vật thể khác.
- Mua bán: thuốc bảo vệ thực vật, vật tư bảo vệ thực vật, vật tư khử trùng. Mua bán vật tư, hóa chất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Buôn bán phân bón. Bán buôn hóa chất thuộc lĩnh vực công nghiệp, hóa chất thuộc lĩnh vực phụ gia thực phẩm. Bán buôn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn.
- Dịch vụ xử lý, bảo dưỡng, vệ sinh môi trường trong nhà máy, kho tàng, văn phòng cơ quan, các công trình xây dựng. Dịch vụ chống mối mọt. Dịch vụ trừ mối cho các công trình xây dựng – đề đập – khách sạn – nhà hàng.
- Cho thuê văn phòng. Cho thuê kho bãi.
- Giám định hàng hóa: số lượng, chất lượng, quy cách, bao bì, giá trị hàng hóa, tổn thất, an toàn, vệ sinh và các yêu cầu giám định khác. Giám sát thi công và lắp đặt máy móc thiết bị. Tư vấn đầu tư.
- Nhân và chăm sóc giống cây nông nghiệp.
- Bán buôn bắp giống và các loại hạt ngũ cốc khác (trừ lúa, gạo) (thực hiện theo Thông tư 134/2013/TT-BTC).
- Đóng gói giống cây trồng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

**2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

**2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

**3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam**

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

**3.3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng năm 2015.

**5. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tiền mặt	3.734.021.496	2.157.250.501
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	104.994.677.072	85.788.491.717
Các khoản tương đương tiền	40.000.000.000	80.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>148.728.698.568</b>	<b>167.945.742.218</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**5.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2016			Tại ngày 01/01/2016		
	VND			VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con:						
Công ty TNHH Cambo V.F.C	9.126.591.264	-	-	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:						
Công ty TNHH Hải Yến – Xem thêm mục 5.34	179.514.814.098	-	-	179.514.814.098	-	-
Công ty CP Thương mại Nông nghiệp Sông Mê Kông	13.790.000.000	-	-	13.790.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>193.304.814.098</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>193.304.814.098</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Đầu tư vào đơn vị khác:						
Công ty CP Bảo vệ thực vật Sài Gòn	2.249.390.000	(418.990.000)	1.830.400.000	2.249.390.000	(1.091.090.000)	1.158.300.000

Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty TNHH Hải Yến và Công ty Cổ phần Thương Mại Nông nghiệp Sông Mê Kông để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Toàn bộ phải thu ngắn hạn của các khách hàng có số dư phải thu mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu khách hàng vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

Trong đó, phải thu khách hàng của các bên liên quan là 9.705.593.114 VND – Xem thêm mục 5.30.

**5.4. Phải thu khác**

	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn:</b>				
Phải thu khách hàng liên quan đến việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	-	768.309.000	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu tạm kê khai khấu trừ	4.161.082	-	334.011.595	-
Phải thu về chiết khấu mua hàng	5.400.707.800	-	-	-
Phải thu người lao động	2.888.650.433	-	5.840.107.190	-
Ký cược, ký quỹ	496.396.869	-	391.323.440	-
Tạm ứng cho người lao động	4.391.904.623	-	4.102.184.492	-
Phải thu tạm cho mượn – Xem thêm mục 5.30	21.136.129.158	-	-	-
Phải thu khác	1.396.970.846	-	2.243.526.252	-
<b>Cộng</b>	<b>35.714.920.811</b>	<b>-</b>	<b>13.679.461.969</b>	<b>-</b>
<b>Dài hạn:</b>				
Ký cược, ký quỹ	1.263.009.568	-	1.215.326.278	-

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**5.5. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	16.556.738.129	9.780.568.362	22.494.076.238	12.195.004.716
Tổng giá trị các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi	26.966.937.345	4.339.226.437	51.154.474.819	10.633.811.937

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã được trích lập dự phòng đầy đủ.

Toàn bộ phải thu quá hạn thanh toán hoặc khó có khả năng thu hồi của các khách hàng có số dư phải thu mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu quá hạn thanh toán hoặc khó có khả năng thu hồi vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

**5.6. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	10.057.391.545	-	20.557.291.440	-
Nguyên liệu, vật liệu	173.193.603.100	-	138.089.234.823	-
Công cụ, dụng cụ	1.328.821.756	-	1.265.619.618	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.731.768.499	-	4.100.078.588	-
Thành phẩm	50.001.405.332	-	48.867.945.573	-
Hàng hóa	155.266.181.319	-	232.898.797.265	-
<b>Cộng</b>	<b>394.579.171.551</b>	<b>-</b>	<b>445.778.967.307</b>	<b>-</b>

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ vay là 50.073.689.480 VND – Xem thêm mục 5.11.

(Xem tiếp trang sau)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2016	25.501.344.643	10.572.765.267	76.781.033.350	3.572.992.956	122.880.500	116.551.016.716
Mua trong kỳ	156.429.000	377.400.000	1.769.202.454	202.044.000	-	2.505.075.454
Thanh lý, nhượng bán	(3.325.489.694)	(207.142.858)	(831.070.284)	(106.998.500)	-	(4.470.701.336)
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>	<b>22.332.283.949</b>	<b>10.743.022.409</b>	<b>77.719.165.520</b>	<b>3.668.038.456</b>	<b>122.880.500</b>	<b>114.585.390.834</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2016	15.523.518.477	8.384.605.104	55.401.940.317	3.346.532.158	106.838.833	82.763.434.889
Khấu hao trong kỳ	562.609.686	398.009.132	4.737.073.981	133.805.107	6.416.667	5.837.914.573
Thanh lý, nhượng bán	(2.470.181.874)	(159.299.868)	(655.174.284)	(106.998.500)	-	(3.391.654.526)
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>	<b>13.615.946.289</b>	<b>8.623.314.368</b>	<b>59.483.840.014</b>	<b>3.373.338.765</b>	<b>113.255.500</b>	<b>85.209.694.936</b>
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2016	9.977.826.166	2.188.160.163	21.379.093.033	226.460.798	16.041.667	33.787.581.827
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>	<b>8.716.337.660</b>	<b>2.119.708.041</b>	<b>18.235.325.506</b>	<b>294.699.691</b>	<b>9.625.000</b>	<b>29.375.695.898</b>

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 42.886.193.012 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2016	63.884.969.716	3.722.392.500	67.607.362.216
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>	<b>63.884.969.716</b>	<b>3.722.392.500</b>	<b>67.607.362.216</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2016	3.215.158.448	2.301.527.645	5.516.686.093
Khấu hao trong kỳ	222.582.126	233.806.565	456.388.691
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>	<b>3.437.740.574</b>	<b>2.535.334.210</b>	<b>5.973.074.784</b>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2016	60.669.811.268	1.420.864.855	62.090.676.123
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>	<b>60.447.229.142</b>	<b>1.187.058.290</b>	<b>61.634.287.432</b>

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.286.049.344 VND.

(Xem tiếp trang sau)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**5.9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Tại ngày 01/01/2016 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày 30/06/2016 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê:				
Nguyên giá:				
Quyền sử dụng đất	19.407.860.064	4.826.050.525	-	24.233.910.589
Nhà	35.979.347.261	1.880.000.000	-	37.859.347.261
<b>Cộng</b>	<b>55.387.207.325</b>	<b>6.706.050.525</b>	<b>-</b>	<b>62.093.257.850</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Nhà	11.592.401.021	667.546.137	-	12.259.947.158
<b>Cộng</b>	<b>11.592.401.021</b>	<b>667.546.137</b>	<b>-</b>	<b>12.259.947.158</b>
Giá trị còn lại:				
Quyền sử dụng đất	19.407.860.064	4.826.050.525	-	24.233.910.589
Nhà	24.386.946.240	1.212.453.863	-	25.599.400.103
<b>Cộng</b>	<b>43.794.806.304</b>	<b>6.038.504.388</b>	<b>-</b>	<b>49.833.310.692</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa vật kiến trúc của tòa nhà tại Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị là 30.767.877.740 VND đang cho thuê theo các hợp đồng thuê hoạt động.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không khấu hao bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa vật kiến trúc với giá trị là 19.732.979.089 VND.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê có thể khác với giá trị ghi sổ.

**5.10. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.341.486.360	1.055.469.317
Chi phí thuê văn phòng, kho bãi	478.858.539	981.676.004
Bảo hiểm tài sản	348.338.696	219.475.472
Các khoản khác	245.082.197	188.001.033
<b>Cộng</b>	<b>2.413.765.792</b>	<b>2.444.621.826</b>
	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Dài hạn:		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.417.517.340	2.775.316.985
Chi phí thuê văn phòng, kho bãi	107.283.225	-
Các khoản khác	-	100.550.573
<b>Cộng</b>	<b>2.524.800.565</b>	<b>2.875.867.558</b>

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

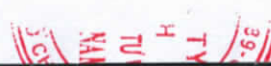
**5.11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	50.073.689.480	50.073.689.480	188.770.470.280	138.696.780.800	-	-

Vay ngắn hạn là các khoản vay của ngân hàng nhằm mục đích mua nguyên vật liệu nhập khẩu và bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Các khoản vay chịu lãi suất từ 4,7% – 6,14%/năm, được thế chấp bằng hàng tồn kho của Công ty - Xem thêm mục 5.6 và Hợp đồng Bảo hiểm rủi ro tài sản số DAN.D05.AD.15.HD107.

(Xem tiếp trang sau)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****5.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Syngenta Việt Nam	191.266.196.038	191.266.196.038	224.926.619.375	224.926.619.375
Công ty Itochu Chemical Frontier Corporation	32.883.112.600	32.883.112.600	32.855.260.800	32.855.260.800
Công ty Summit Agro International Ltd.	31.322.268.060	31.322.268.060	41.990.995.400	41.990.995.400
Phải trả cho các đối tượng khác	54.544.125.575	54.544.125.575	58.103.645.437	58.103.645.437
<b>Cộng</b>	<b><u>310.015.702.273</u></b>	<b><u>310.015.702.273</u></b>	<b><u>357.876.521.012</u></b>	<b><u>357.876.521.012</u></b>

*(Xem tiếp trang sau)*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2016		Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Tại ngày 30/06/2016	
	VND				VND	VND
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng		1.802.078.910	115.342.758.087	109.422.661.627	-	7.722.175.370
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	(1.349.598.648)	-	14.878.515.273	14.073.525.860	(544.609.235)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	(27.059.944)	-	2.283.479.452	2.259.441.117	(3.021.609)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	8.788.339.640	20.295.686.656	16.483.023.649	-	12.601.002.647
Thuế thu nhập cá nhân	-	10.819.041.173	9.600.263.137	18.486.393.835	-	1.932.910.475
Thuế môi trường	(39.139.580)	-	268.265.860	229.126.280	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	36.382.455	36.820.304	(437.849)	-
Các loại thuế khác	-	965.085.567	3.838.332.178	4.460.732.024	-	342.685.721
<b>Cộng</b>	<b>(1.415.798.172)</b>	<b>22.374.545.290</b>	<b>166.543.683.098</b>	<b>165.451.724.696</b>	<b>(548.068.693)</b>	<b>22.598.774.213</b>

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**5.14. Phải trả người lao động**

Lương bổ sung còn phải trả cho người lao động.

**5.15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Chi phí trích trước chính sách bán hàng	14.096.860.867	22.794.108.403

**5.16. Phải trả khác**

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ngắn hạn:		
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	96.285.490
Kinh phí công đoàn	833.685.141	739.434.081
Bảo hiểm xã hội	1.775.095.443	168.137.666
Bảo hiểm y tế	324.009.044	67.057.926
Bảo hiểm thất nghiệp	139.828.070	25.261.802
Phải trả lại thuế TNCN thu thừa của CBCNV	336.346.361	192.106.622
Tiền mượn công ty TNHH Hải Yến – Xem thêm mục 5.30	116.500.000.000	116.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	73.209.275	58.081.475
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.522.806.232	1.434.076.663
<b>Cộng</b>	<b>123.504.979.566</b>	<b>119.280.441.725</b>
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.197.467.800	2.081.903.692
Phải trả tiền nhận ủy thác góp vốn vào Cty TNHH Hải Yến – Xem thêm mục 5.34	34.784.900.000	34.784.900.000
<b>Cộng</b>	<b>36.982.367.800</b>	<b>36.866.803.692</b>

(Xem trang tiếp theo)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**5.17. Vốn chủ sở hữu**

**5.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư tại ngày 01/01/2015	132.827.530.000	70.731.808.592	(702.100.000)	246.777.191.829	27.552.225.851	135.924.898.393	613.111.554.665
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	-	69.535.130.131	69.535.130.131
Chia cổ tức năm 2014	-	-	-	-	-	(19.812.964.500)	(19.812.964.500)
Trích quỹ thuộc VCSH	-	-	-	-	5.000.000.000	(5.000.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(3.181.389.694)	(3.181.389.694)
Hoàn nhập trích quỹ theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông	-	-	-	(15.231.296.479)	(5.077.098.826)	20.308.395.305	-
Giảm khác	-	-	-	-	(681.857.114)	(330.191.696)	(1.012.048.810)
<b>Số dư tại ngày 30/06/2015</b>	<b>132.827.530.000</b>	<b>70.731.808.592</b>	<b>(702.100.000)</b>	<b>231.545.895.350</b>	<b>26.793.269.911</b>	<b>197.443.877.939</b>	<b>658.640.281.792</b>
Tăng vốn trong kỳ	44.026.830.000	(43.967.830.000)	(59.000.000)	-	-	-	-
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	-	-	69.641.805.344	69.641.805.344
Tạm chia cổ tức năm 2015	-	-	-	-	-	(17.611.326.000)	(17.611.326.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(975.000.000)	(476.113.977)	(1.451.113.977)
<b>Số dư tại ngày 01/01/2016</b>	<b>176.854.360.000</b>	<b>26.763.978.592</b>	<b>(761.100.000)</b>	<b>231.545.895.350</b>	<b>25.818.269.911</b>	<b>248.998.243.306</b>	<b>709.219.647.159</b>
Tăng vốn trong 6 tháng đầu năm nay	6.000.000.000	-	-	-	-	-	6.000.000.000
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	-	741.100.000	-	-	-	741.100.000
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	-	-	77.087.383.178	77.087.383.178
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	3.000.000.000	(3.000.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 2015	-	-	-	-	-	(17.752.694.000)	(17.752.694.000)
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 2016	-	-	-	-	-	(7.105.761.989)	(7.105.761.989)
Chia cổ tức năm 2015	-	-	-	-	-	(35.218.652.000)	(35.218.652.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(1.648.804.000)	(2.433.458.998)	(4.082.262.998)
<b>Số dư tại ngày 30/06/2016</b>	<b>182.854.360.000</b>	<b>26.763.978.592</b>	<b>(20.000.000)</b>	<b>231.545.895.350</b>	<b>27.169.465.911</b>	<b>260.575.059.497</b>	<b>728.888.759.350</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM**Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường  
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỘC (TIẾP THEO)****5.17.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Vốn góp của các cổ đông	182.854.360.000	176.854.360.000

**5.17.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01 năm 2016	176.854.360.000	176.854.360.000
Vốn góp tăng do phát hành cổ phiếu với giá ưu đãi cho người lao động	6.000.000.000	-
<b>Vốn góp tại ngày 30 tháng 06</b>	<b>182.854.360.000</b>	<b>176.854.360.000</b>

Ngày 06 tháng 07 năm 2016, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Chứng khoán thay đổi lần thứ 06 số 113/2009/GCNCP-VSD-6 với tổng giá trị chứng khoán đăng ký bổ sung là 6.000.000.000 VND (Sáu tỷ đồng chẵn), tương đương với 600.000 cổ phiếu được phát hành với giá ưu đãi cho Cán bộ công nhân viên. Theo đó, Vốn điều lệ của Công ty tăng từ 176.854.360.000 VND lên 182.854.360.000 VND.

**5.17.4. Cổ phiếu**

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành:	18.285.436	17.685.436
Bao gồm: Số lượng cổ phiếu phổ thông trước khi phát hành thêm ESOP	17.685.436	17.685.436
Số lượng cổ phiếu phổ thông phát hành thêm	600.000	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng:	18.285.436	17.685.436
Bao gồm: Số lượng cổ phiếu phổ thông trước khi phát hành thêm ESOP	17.685.436	17.685.436
Số lượng cổ phiếu phổ thông phát hành thêm	600.000	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ):	2.000	76.110
Bao gồm: Số lượng cổ phiếu quỹ trước khi phát hành thêm ESOP	76.110	76.110
Số lượng cổ phiếu quỹ được tái phát hành	(74.110)	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành:	18.283.436	17.609.326
Bao gồm: Số lượng cổ phiếu phổ thông trước khi phát hành thêm ESOP	17.609.326	17.609.326
Số lượng cổ phiếu phổ thông phát hành thêm	600.000	-
Số lượng cổ phiếu quỹ được tái phát hành	74.110	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****5.17.5. Cổ tức đã trả**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng số cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông	35.203.524.200	19.857.506.200

**5.17.6. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ hoạt động xã hội, từ thiện VND
Tại ngày 01/01/2016	231.545.895.350	17.475.127.025	8.343.142.886
Trích trong kỳ	-	-	3.000.000.000
Chi trong kỳ	-	-	(1.648.804.000)
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>	<b>231.545.895.350</b>	<b>17.475.127.025</b>	<b>9.694.338.886</b>

**5.18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, gia công, nhận ủy thác:	6.182.455.676	54.121.503.598
	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
Ngoại tệ các loại: USD	64.995,82	170.517,33
	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Nợ khó đòi đã xử lý	33.158.903.280	9.688.324.959

**5.19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	641.014.809.042	579.944.124.131
Doanh thu bán thành phẩm	387.354.676.068	314.183.046.410
Doanh thu cung cấp dịch vụ	145.047.991.245	153.914.456.665
<b>Cộng</b>	<b>1.173.417.476.355</b>	<b>1.048.041.627.206</b>
Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan – Xem thêm mục 5.30: Công ty TNHH Cambo V.F.C	9.705.593.114	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****5.20. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chiết khấu thương mại	55.430.183.794	4.568.698.203
Hàng bán bị trả lại	-	1.976.320.000
<b>Cộng</b>	<b>55.430.183.794</b>	<b>6.545.018.203</b>

**5.21. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	515.855.627.927	480.989.239.765
Giá vốn của thành phẩm đã bán	231.565.731.147	209.888.092.053
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	85.902.036.373	90.116.755.440
Các khoản ghi giảm giá vốn	(21.440.805.448)	(23.231.220.437)
<b>Cộng</b>	<b>811.882.589.999</b>	<b>757.762.866.821</b>

**5.22. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.563.461.802	5.012.415.270
Cổ tức, lợi nhuận được chia	71.500.000	164.450.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.009.013.898	123.163.319
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	2.785.235.295	1.569.588.150
<b>Cộng</b>	<b>5.429.210.995</b>	<b>6.869.616.739</b>

**5.23. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	1.235.070.635	1.966.934.896
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	5.283.856.195	2.001.579.850
Lỗ chênh lệch tỷ giá	365.260.723	1.464.752.882
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(672.100.000)	(57.200.000)
<b>Cộng</b>	<b>6.212.087.553</b>	<b>5.376.067.628</b>

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**5.24. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	92.662.565.928	78.718.668.399
Chi phí khấu hao	2.960.154.308	3.397.922.750
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.902.734.811	36.714.059.428
Chi phí chính sách bán hàng	51.315.372.810	48.030.324.270
Chi phí khác	10.941.241.354	5.558.493.406
<b>Cộng</b>	<b>177.782.069.211</b>	<b>172.419.468.253</b>

**5.25. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	13.629.273.492	13.099.154.821
Chi phí khấu hao	1.692.438.544	2.876.264.037
Trích lập / (Hoàn nhập) dự phòng nợ khó đòi	2.054.724.592	-
Chi phí khác	9.843.197.068	7.184.313.545
<b>Cộng</b>	<b>27.219.633.696</b>	<b>23.159.732.403</b>

**5.26. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	785.309.819.625	712.807.974.205
Chi phí nhân công	138.818.260.641	126.419.947.784
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.961.849.401	8.472.340.732
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.656.982.940	9.121.114.086
Chi phí khác bằng tiền	48.325.274.369	118.312.334.977
<b>Cộng</b>	<b>1.002.072.186.976</b>	<b>975.133.711.784</b>

**5.27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	97.383.069.834	89.608.342.764
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	4.166.863.445	1.797.982.840
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(71.500.000)	(164.450.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	101.478.433.279	91.241.875.604
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	22%
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ này</b>	<b>20.295.686.656</b>	<b>20.073.212.633</b>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế như: chi phí không hợp lệ và cổ tức.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**5.28. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	<u>Kỳ này VND</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	188.770.470.280

**5.29. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	<u>Kỳ này VND</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	138.696.780.800

**5.30. Thông tin về các bên có liên quan**

Trong kỳ, Công ty có các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

Danh sách các bên liên quan

1. Công ty TNHH Cambo V.F.C
2. Công ty CP Thương mại Nông nghiệp Sông Mê Kông
3. Công ty TNHH Hải Yến
4. Bà Nguyễn Bạch Tuyết
5. Ông Trương Công Cứ

Mối quan hệ

Công ty con  
Công ty liên kết  
Công ty liên doanh  
Chủ tịch HĐQT và Phó Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc Công ty và Phó Chủ tịch HĐQT

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2016 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2016 VND</u>
Phải thu – Xem thêm mục 5.3: Công ty TNHH Cambo V.F.C	9.705.593.114	-
	<u>Tại ngày 30/06/2016 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2016 VND</u>
Phải thu khác – Xem thêm mục 5.4: Công ty TNHH Cambo V.F.C	21.136.129.158	-
	<u>Tại ngày 30/06/2016 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2016 VND</u>
Phải trả – Xem thêm mục 5.16: Công ty TNHH Hải Yến	(116.500.000.000)	(116.500.000.000)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Bán hàng – Xem thêm mục 5.19:		
Công ty TNHH Cambo V.F.C	9.705.593.114	-
Thủ lao và thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được chi tiết như sau:		
	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc Công ty	5.235.065.000	8.715.906.000
Thu nhập các nhân viên quản lý chủ chốt khác	1.385.499.000	1.215.610.900
<b>Cộng</b>	<b><u>6.620.564.000</u></b>	<b><u>9.931.516.900</u></b>

**5.31. Cam kết theo các hợp đồng thuê hợp động**

**Cho thuê**

Công ty cho thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng cho thuê có kỳ hạn trung bình là 3 năm, với tiền cho thuê cố định mỗi kỳ.

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Doanh thu cho thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	5.128.664.478	4.774.819.376
Tại ngày 30/06/2016, Công ty có các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không huỷ ngang theo các thời hạn:		
	<u>Tại ngày 30/06/2016 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2016 VND</u>
Từ 1 năm trở xuống	2.335.840.682	4.141.127.070
Trên 1 năm đến 5 năm	11.037.552.047	14.143.971.672
<b>Cộng</b>	<b><u>13.373.392.729</u></b>	<b><u>18.285.098.742</u></b>

**Đi thuê**

Công ty thuê kho và thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 2 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ.

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	1.238.397.914	1.398.147.273

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30/06/2016, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Từ 1 năm trở xuống	1.426.565.152	2.104.298.636
Trên 1 năm đến 5 năm	1.474.331.818	3.207.832.727
<b>Cộng</b>	<b>2.900.896.969</b>	<b>5.312.131.363</b>

**5.32. Số liệu so sánh**

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại.

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (Trích):

	Kỳ trước VND (Được báo cáo lại)	Kỳ trước VND (Đã được báo cáo trước đây)
Giá vốn hàng bán	757.762.866.821	735.889.504.005
Chi phí bán hàng	172.419.468.253	194.292.831.069

Việc báo cáo lại thông tin so sánh nêu trên là để trình bày phù hợp hơn với bản chất của các khoản mục vì Ban Tổng Giám đốc tin rằng việc sắp xếp lại sẽ cung cấp thông tin hữu ích hơn cho người đọc báo cáo tài chính riêng.

**5.33. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính riêng.

**5.34. Các thông tin khác**

Ngày 01 tháng 07 năm 2004, Công ty đã ký hợp đồng liên doanh với Công ty Xuất Nhập Khẩu Tổng Hợp III để hình thành Công ty TNHH Hải Yến có địa chỉ tại Số 50, Đường Trần Phú, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa nhằm thực hiện Dự án đầu tư xây dựng khai thác kinh doanh khách sạn, nhà hàng. Đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2016, Công ty đã đầu tư vào Công ty TNHH Hải Yến với số tiền là 179.514.814.098 VND, trong đó có 34.784.900.000 VND là vốn góp của CBCNV và các đối tác ngoài Công ty ủy quyền cho Công ty đứng tên theo Quyết định số 100/VFC-HĐQT/QĐ ngày 22 tháng 12 năm 2008. Sau đó, Công ty Xuất Nhập Khẩu Tổng Hợp III đã được sáp nhập vào Công ty Thực Phẩm và Đầu Tư Công Nghệ có địa chỉ tại Số 64, Đường Trần Quốc Toản, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng. Sau khi sáp nhập, Công ty Thực Phẩm và Đầu Tư Công Nghệ đã không đồng ý với tỷ lệ vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH Hải Yến. Do đó, Công ty đã khởi kiện Công ty Thực Phẩm và Đầu Tư Công Nghệ ra Tòa án Tỉnh Khánh Hòa để giải quyết tranh chấp này. Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng này, Tòa án Tỉnh Khánh Hòa vẫn đang thụ lý vụ kiện nên kết quả của vụ kiện là chưa thể xác định được. Do đó, báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 chưa bao gồm bất kỳ khoản điều chỉnh nào có liên quan đến vụ kiện nêu trên – Xem thêm mục 5.3 và mục 5.17.

(Xem tiếp trang sau)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**6. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 10 tháng 08 năm 2016.



\_\_\_\_\_  
**Trương Công Cứ**  
**Tổng Giám đốc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2016

\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Ngọc Dung**  
**Kê toán trưởng**

\_\_\_\_\_  
**Phạm Thị Ngọc Phương**  
**Người lập**